

SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA NAM ĐỊNH

Số: 2379 /BVND-VTTBYT

Về việc yêu cầu báo giá vật tư y tế sử dụng trong can thiệp tim mạch của Bệnh viện Đa khoa Nam Định

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 28 tháng 05 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp vật tư y tế sử dụng trong can thiệp tim mạch

Bệnh viện Đa khoa Nam Định có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo cấu hình, tính năng kỹ thuật và xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua vật tư y tế sử dụng trong can thiệp tim mạch của Bệnh viện Đa khoa Nam Định với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Nam Định
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng Văn thư - Bệnh viện Đa khoa Nam Định; địa chỉ: Khu đô thị Mỹ Trung, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình.
- Cách tiếp nhận báo giá:
 - Cách thứ 1: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá và tài liệu kèm theo trên mạng đấu thầu quốc gia (chức năng nhà thầu) tương ứng với yêu cầu báo giá trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (nếu hệ thống có chức năng này)
 - Cách thứ 2: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá và tài liệu kèm theo về địa chỉ: Phòng Văn thư - Bệnh viện Đa khoa Nam Định; địa chỉ: Khu đô thị Mỹ Trung, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình.
- Thời hạn kết thúc nhận báo giá: 16 giờ 45 phút ngày 08/06/2026
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 90 ngày

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục vật tư y tế sử dụng trong can thiệp tim mạch yêu cầu báo giá theo Phụ lục I đính kèm.

* Mỗi nhà thầu chỉ tham gia chào 01 báo giá, báo giá chào theo từng gói thầu hoặc toàn bộ các gói thầu theo Phụ lục I. Nhà thầu có thể vận dụng Biểu mẫu báo giá theo Phụ lục II đính kèm. Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa Nam Định.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2026

4. Các thông tin khác: Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa kèm theo (nếu có)

Bệnh viện Đa khoa Nam Định rất mong nhận được sự quan tâm và bản chào hàng (báo giá) tốt nhất của quý Công ty/đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công TTĐT BVĐKND;
- Hệ thống mạng đầu thầu QG;
- Lưu: VT, VTTBYT.

GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Kim Yến

Phụ lục I

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ SỬ DỤNG TRONG CAN THIỆP TIM MẠCH

(Kèm theo văn bản số: 2379/BVND-VTTBYT ngày 28/5/2026 của Bệnh viện Đa khoa Nam Định)

Gói 1: Vật tư dùng trong chẩn đoán, hỗ trợ và can thiệp mạch thông thường

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Mô tả đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa
1	Bơm áp lực cao trong chụp buồng tim mạch loại đầu kết nối dạng xoáy kèm van cầm máu chữ Y, 20ml	Bộ	80	Dung tích 20ml. Chất liệu nhựa y tế trong suốt, đầu kết nối dạng xoáy, thân có chia vạch, áp suất làm việc ≥ 30 atm, có đồng hồ đo áp và van cầm máu chữ Y. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
2	Bơm tiêm (syringe) thuốc cản quang, đầu kết nối dạng xoáy, 10 ml	Cái	160	Dung tích 10ml, chất liệu nhựa y tế trong suốt, đầu kết nối dạng xoáy, thân có chia vạch, gioăng đệm pít tông dạng đôi, sử dụng vật liệu nhựa nhiệt dẻo độ đàn hồi cao, không letex, đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
3	Dây bơm áp lực cao	Cái	160	Chất liệu nhựa tổng hợp PU hoặc tương đương, hai đầu kết nối luer, dài từ ≥ 25 cm đến ≤ 250 cm, chịu được áp suất từ ≥ 200 PSI đến ≤ 1.200 PSI. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
4	Bộ phân phối (manifold) và công chia (stopcock), loại 3 công	Cái/Bộ	160	Chất liệu nhựa y tế, loại 3 công phân phối, đầu kết nối dạng xoay (ON/OFF), áp suất làm việc tối đa trong khoảng ≥ 500 PSI đến ≤ 600 PSI. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
5	Ống thông để chụp động mạch vành (trái phải)	Cái	10	Cấu tạo 3 lớp, lớp trong và lớp ngoài chất liệu Nylon rich Polyurethan hoặc tương đương. Lớp giữa dạng lớp đan kép chất liệu thép không gỉ. Kích thước cỡ 4Fr lòng rộng ≥ 1.03 mm, giới hạn áp lực ≤ 750 psi; cỡ 5Fr lòng rộng ≥ 1.20 mm, dài 65, 70, 80, 100, 110cm. Dạng JR, JL, AR, AL giới hạn áp lực ≤ 1000 psi. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ Việt Nam
6	Ống thông để chụp động mạch vành hai bên	Cái	160	Cấu tạo thiết kế theo công nghệ sợi bện kép. Hình dạng đầu vào đa dạng cho can thiệp qua đường quay, trong đó có loại Brachial Type (Tiger). Tốc độ

				dòng chảy tối đa ≤ 23 mL/giây. áp lực tối đa ≤ 1.200 psi. dài ≥ 80 cm - ≤ 120 cm, sử dụng tương thích với dây dẫn 0.038". Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7
7	Ống thông dẫn đường Launcher	Cái	80	Ống thông trợ giúp can thiệp động mạch vành, thiết kế bằng kỹ thuật đan lưới lòng ống Full-Wall, giúp kháng xoắn và kháng bẹp khi can thiệp. Có tối thiểu các loại đầu cong EBU, JL JR, AL, SAL, MB, dài 90cm hoặc 100cm. IMA dài ≥ 55 cm. Đường kính từ 5F-8F. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và chứng nhận FDA hoặc CE.
8	Dây dẫn đường cho catheter phủ ái nước	Cái	160	Cấu tạo lõi chất liệu hợp kim Nitinol đàn hồi hoặc tương đương. Lớp ngoài chất liệu PU hoặc tương đương, có cản quang. Lớp phủ ái nước hydrophilic M Coat. Hình dạng đầu tip dạng thẳng, góc 45 độ hoặc hình chữ J (Straight, Angled, J-Curve). chiều dài dây dẫn ≥ 150 cm, chiều dài đầu linh hoạt ≤ 3 cm. Đường kính ngoài tối thiểu có loại 0.025", 0.035", 0.038", đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương
9	Dây dẫn đường cho bóng và stent	Cái	100	Đường kính khoảng 0.014", dài khoảng 180cm. Cấu tạo lớp lõi đoạn gần bằng thép không rỉ, đoạn xa bằng Nickel-Titanium hoặc tương đương, đồng trục, không mối hàn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
10	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu (động mạch quay) phủ ái nước bao gồm: Kim chọc, dây dẫn, ống có van tạo đường vào lòng mạch, Introducer sheath	Bộ	160	Thành phần gồm Sheath và van Cross-cut; vi dây dẫn; que nong; kim chọc 20G; bơm tiêm $\geq 2,0$ ml; dao rạch da. Cấu tạo Sheath chất liệu ETFE phủ lớp ái nước M Coat, que nong liệu PP hoặc tương đương, van vật liệu Silicone. Đường kính tối thiểu có cỡ 5F, 6F dài khoảng 10 cm; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
11	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu (động mạch đùi) có van cầm máu bao gồm: Kim chọc, dây dẫn, ống có van tạo đường vào lòng mạch, Introducer sheath	Bộ	20	Có tối thiểu có các cỡ 5F, 6F, 7F, 8F dài ≥ 10 cm. Chất liệu PE hoặc tương đương, valve ngăn chặn máu rò rỉ, kim chọc mạch 18G, dài ≥ 7 cm. Dây dẫn bằng thép không gỉ đầu cong J, đường kính 0.038", dài ≥ 50 cm, khóa 3 ngã. Vòng cố định chỉ xoay quanh thiết bị bề mặt nhãn, độ mở lớn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương

12	Kim chọc động mạch, 18G	Cái	20	Chất liệu thép không gỉ, đầu sắc nhọn, lòng kim trơn nhẵn, đường kính khoảng 1.3mm, dài khoảng 70mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương
13	Kim chọc mạch quay 18G/20G/ 22G	Cái	160	Kim chất liệu thép không gỉ, đầu sắc nhọn, catheter chất liệu ETFE hoặc tương đương, tối thiểu có cỡ 18G, 20G, 22G, dài từ ≥ 25 mm đến ≤ 65 mm tương ứng các cỡ, đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương
14	Bộ dụng cụ nút mạch loại tự tiêu, cầm máu kép	Bộ	10	Thành phần: Bộ phận tự tiêu (neo, chi khâu, nút chặn); Hệ thống dẫn (ống dẫn, ép, mở đường). Que nong vật liệu Polyethylene hoặc tương đương. Dây dẫn đường đầu chữ J cỡ 6fr, Đk 0,035"; Cỡ 8fr, Đk 0,038", dài khoảng 70cm. Thời gian tự tiêu ≤ 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương
15	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành bao gồm: Ống hút, vi ống thông, khoan huyết khối, giá đỡ kéo huyết khối	Cái	10	Chiều dài trục khoảng 140 cm. Chiều dài đầu tip khoảng 6 mm. Lớp phủ ái nước dài khoảng 40 cm. Tối thiểu có 2 cỡ 6F và 7F. Kiểu đầu ngắn và bo tròn. Đường kính trong và diện tích lòng ống đoạn xa: + Loại 6F khoảng 1.00mm và khoảng 0.78 mm ² + Loại 7F khoảng 1.25mm và khoảng 1.23 mm ² Các bộ phận khác đi kèm xylanh 30 ml có khóa, dây nối có khóa 2 chiều, dụng cụ đẩy, lỗ màng lọc khoảng ≤ 70 μ m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
16	Dây dẫn đường (guide wire) trong can thiệp tổn thương tắc mãn tính động mạch vành CTO	Cái	5	Đầu tip công nghệ đa lõi, tối thiểu 2 loại khác nhau thẳng và chữ J. Công nghệ nhiều loại lớp phủ ái nước, dài từ ≥ 180 cm đến ≤ 330 cm. Đầu tip đk khoảng từ ≥ 0.009 " đến ≤ 0.014 ", có cản quang, dài ≥ 3 cm đến ≤ 20 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.

17	Vi dây dẫn đường (micro guide wire) dùng cho bóng và stent trong can thiệp tổn thương mãn tính	Cái	5	Đường kính tối thiểu có các cỡ 0.011", 0.012", 0.014", dài khoảng 190 cm. Đầu tip dạng uốn sẵn 1mm (Pre-shape). Khả năng tải đầu tip cỡ 2.0, 4.0, 6.0 gf. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
18	Ống thông hỗ trợ đẩy sâu trong can thiệp tắc động mạch vành	Cái	5	Catheter tối thiểu có các cỡ 6F, 7F, 8F, phủ lớp ái nước. Vòng trục chắn xạ, chất liệu Platinum hoặc tương đương, đầu xa có điểm đánh dấu chắn xạ. Dài khoảng 150cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và FDA hoặc CE hoặc tương đương. Xuất xứ G7
19	Vi ống thông trong can thiệp tắc động mạch vành	Cái	10	Cấu tạo mặt trong phủ PTFE hoặc tương đương, mặt ngoài phủ lớp ái nước. Đường kính ngoài đầu xa khoảng 0,60mm, đầu gần khoảng 0,87mm. Đường kính trong đầu xa khoảng 0,45mm, đầu gần khoảng 0,55mm. Dài \geq 130cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
20	Máy tạo nhịp 1 buồng	Cái	02	<p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng: Mới 100% - Sản xuất năm 2025 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương <p>B. Cấu hình cung cấp cho 1 thiết bị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân máy chính: 1 cái - Cáp chuyên (nhĩ/thất): 1 cái - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và dịch sang tiếng Việt Nam: 1 bộ <p>C. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chế độ AAI, AOO, VVI, VOO - Tần số tạo nhịp cơ bản: 30 – 200 ppm - Tần số tạo nhịp nhanh nhĩ: 80 – 800 ppm - Biên độ đầu ra: 0.1 – 25 mA - Độ rộng xung: 1.5 ms

				<ul style="list-style-type: none"> - Ngưỡng nhận cảm: 0.4 – 20 mV - Thời kỳ trơ: 50-500ms - Thời kỳ trống + 200 ms +5/-30 ms - Sau tạo nhịp + 120 ms +2/-30 ms - Sau nhận cảm - Nguồn điện: Pin AA 1,5v hoặc tương đương - Loại điện cực: Đơn cực hoặc lưỡng cực
21	Điện cực tạo nhịp tạm thời có bóng	Bộ	10	Thành phần: Dây điện cực, bóng, bơm tiêm. Ống thông chất liệu PU hoặc tương đương, loại chống huyết khối, có điểm đánh dấu.. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE. Xuất xứ Châu Âu

Gói 2: Vật tư bóng nong

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Mô tả đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa
1	Bóng nong động mạch loại áp lực thường, khẩu kính đầu vào nhỏ	Cái	60	Bóng nong chất liệu ultra-slim hoặc tương đương, phủ lớp ái nước, thiết kế bóng tối đa 5 nếp gấp. Khẩu kính đầu vào $\leq 0.016"$. Áp lực thường khoảng 8 atm, áp lực tối đa khoảng 14 atm. Đường kính bóng tối thiểu khoảng 1.5mm, tối đa khoảng 4.0mm. Chiều dài bóng tối thiểu khoảng 6mm, tối đa khoảng 30mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA, CE hoặc tương đương
2	Bóng nong động mạch loại áp lực thường cho tổn thương dài	Cái	40	Áp suất định danh khoảng 6atm. Áp suất vỡ bóng khoảng 16atm. Khẩu kính thâm nhập 0.017". Đường kính từ $\geq 1.5\text{mm}$ đến $\leq 5.00\text{mm}$. Chiều dài bóng từ $\geq 8\text{mm}$ đến $\leq 45\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Xuất xứ G7
3	Bóng nong động mạch loại áp lực cao 3 lớp cho tổn thương phức tạp	Cái	40	Cấu tạo 3 lớp: Lớp giữa chất liệu polyamide hoặc tương đương, lớp trong và lớp ngoài là Elastomer hoặc tương đương. Vai bóng ngắn khoảng 3.0mm. Áp lực định mức khoảng 12atm. Áp lực tối đa khoảng 22atm. Chiều dài trực

	cho tổn thương phức tạp			3.0mm. Áp lực định mức khoảng 12atm. Áp lực tối đa khoảng 22atm. Chiều dài trục khoảng 145cm. Đường kính tối thiểu từ 2.0mm đến tối đa 5.0mm. Chiều dài tối thiểu mm đến tối đa 25m. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE. Xuất xứ G7
4	Bóng nong động mạch loại áp lực cao cho tổn thương dài	Cái	60	Áp suất định danh khoảng 12atm. Áp suất vỡ bóng ≥ 20 atm. Khẩu kính thâm nhập $\leq 0.017"$. Đường kính bóng tối thiểu khoảng 1.5mm, tối đa khoảng 5.0mm. Chiều dài bóng tối thiểu khoảng 6 mm, tối đa khoảng 50 mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương. Xuất xứ G7
5	Bóng nong động mạch loại gắn lưỡi dao (cutting balloon)	Cái	5	Lưỡi dao ≥ 3 lưỡi. Đường kính bóng tối thiểu khoảng 2.0 mm, đường kính bóng tối đa khoảng 4.0 mm. Chiều dài bóng khoảng 15mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE. Xuất xứ G7
6	Bóng nong động mạch phủ thuốc ngăn ngừa tình trạng tái hẹp mạch máu (tắc lại) sau khi nong mạch	Cái	10	Chiều dài bóng từ tối thiểu khoảng 15mm đến tối đa khoảng 40 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE. Xuất xứ G7

Gói 3: Vật tư giá đỡ (Stent)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Mô tả đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa
1	Sten động mạch vành phủ thuốc ngăn ngừa tình trạng mô sẹo phát triển quá mức, giữ cho mạch máu không bị tái hẹp lại, khả năng giãn nở lớn	Cái	25	Khung chất liệu hợp kim CoCr hoặc Pt hoặc tương đương, phủ thuốc ngăn ngừa tình trạng mô sẹo phát triển quá mức, giữ cho mạch máu không bị tái hẹp lại, khả năng giãn nở lớn. Đường kính tối thiểu khoảng 2,25 mm, đường kính tối đa khoảng 5 mm. Độ giãn nở tối đa khoảng 6mm. Chiều dài khung trong khoảng từ ≥ 8 mm đến ≤ 40 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA, CE. Xuất xứ Châu Âu
2	Sten động mạch vành phủ thuốc ngăn ngừa tình trạng mô sẹo phát triển quá mức, giữ cho	Cái	25	Khung phủ thuốc ngăn ngừa tình trạng mô sẹo phát triển quá mức, giữ cho mạch máu không bị tái hẹp lại, mật áp thành liều lượng $\leq 4\mu\text{g}/\text{mm}$. Khung

	mạch máu không bị tái hẹp lại, mặt áp thành			dây khoảng 80 μ m. Khẩu kính thâm nhập khoảng 0.45 mm. Áp lực tham chiếu khoảng 9atm, áp lực tối đa khoảng 14atm. Đường kính tối thiểu khoảng 2.25mm, tối đa khoảng 4.0mm. Chiều dài tối thiểu khoảng 9mm, tối đa khoảng 38mm. Trục dài khoảng 144 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE. Xuất xứ G7
3	Khung giá đỡ có màng bọc	Cái	2	Khung giá đỡ mạch máu có màng bọc đường kính nhỏ từ ≥ 2.0 mm đến ≤ 5.0 mm. Chất liệu hợp kim CoCr hoặc tương đương, phủ một lớp màng bọc ePTFE hoặc tương đương dày khoảng 89 μ m ($\pm 25\mu$ m). Độ dày thanh chống khoảng ≥ 0.08 mm đến ≤ 0.09 mm; độ rộng thanh chống khoảng ≥ 0.07 mm đến ≤ 0.08 mm. Tương thích với sheath cỡ 5Fr tất cả các size. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE hoặc tương đương. Xuất xứ G7

Phụ lụcII
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo văn bản số: 379/BVND-VTTBYT ngày 28/5/2026 của BVĐK Nam Định)

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho vật tư xét nghiệm dùng cho máy xét nghiệm huyết học như sau:

1. Danh mục báo giá

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất	xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Mô tả đặc tính kỹ thuật của hàng hóa báo giá
I	Vật tư xét nghiệm máy xét nghiệm thuộc gói										
1	Hàng hóa A										
2	Hàng hóa B										
n	...										
	Tổng cộng										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa (nếu có))

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 150 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

2